

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 2748 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 11 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (lần 9)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2792/TTr-LĐTBXH ngày 29/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (kèm theo Phụ lục 03 danh sách hỗ trợ người lao động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập tại Tờ trình số 2792/TTr-LĐTBXH ngày 29/10/2021) và kinh phí hỗ trợ cho người lao động gặp khó



khẩn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá (lần 9), cụ thể như sau:

Stt	Loại đối tượng	Đối tượng hỗ trợ (Phụ lục 03)			Đối tượng không hỗ trợ (Phụ lục 09)		
		Số lượng	Số tiền/người, hộ kinh doanh	Thành tiền	Số lượng	Số tiền/người	Thành tiền
1	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (chính sách số 4 – mức 1.855.000 đồng/người hoặc 3.710.000 đồng/người). Trong đó:	211		782.810.000	5		18.550.000
	<i>Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên</i>	211	3.710.000	782.810.000	5	3.710.000	18.550.000
2	Chính sách hỗ trợ bổ sung cho người lao động và trẻ em (chính sách số 7 – mức 1.000.000 đồng/người hoặc trẻ em). Trong đó:	73		73.000.000			
2.1	<i>Người lao động đang mang thai</i>	6	1.000.000	6.000.000			
2.2	<i>Người lao động đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi</i>	67	1.000.000	67.000.000			

3	Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh (chính sách số 10 – mức 3.000.000 đồng/hộ)	36	3.000.000	108.000.000			
	Tổng cộng	320		963.810.000	5		18.550.000
	Bằng chữ:	Chín trăm sáu mươi ba triệu tám trăm mười nghìn đồng			Mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng		

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng theo thời gian quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn thành phố và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn địa phương về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 42

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tthuy, "HT".

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung



PHỤ LỤC 03

Danh sách đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá
Kèm theo Tờ trình số 2792 /TTr-LĐTĐBXH ngày 29 /10/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

I	CÔNG TY TNHH ĐẮC THÀNH							14.840.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							14.840.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Huỳnh Anh Thúy	Phó giám đốc	Có thời hạn	01/01/2021	9123739559	19/07/2021	19/07/2021-16/09/2021	3.710.000	Huỳnh Anh Thúy - 100007365149 Ngân hàng NCB - CN Kiên Giang	370705071	
2	Nguyễn Kim Hậu	Kế toán	Có thời hạn	01/01/2021	9121756330	19/07/2021	19/07/2021-16/09/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Hậu - 0111059243 Ngân hàng Đông Á - CN Kiên Giang	342006866	
3	Huỳnh Hữu Toàn	nhân viên	Có thời hạn	01/01/2021	9122238700	19/07/2021	19/07/2021-16/09/2021	3.710.000	Huỳnh Hữu Toàn - 002997109999 - Ngân hàng bưu điện Liên Việt CN Kiên Giang	371325509	
4	Đỗ Khánh Đào	nhân viên	Có thời hạn	01/01/2021	9124183468	19/07/2021	19/07/2021-16/09/2021	3.710.000	Đỗ Khánh Đào - 0111411344 Ngân hàng Đông Á - CN Kiên Giang	371179979	
II	CÔNG TY TNHH TM KIỀU HÙNG							33.390.000			

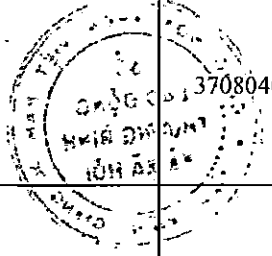
Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương								33.390.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Đường Minh Ngọc Ân	Trưởng phòng kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/04/2016	5307006622	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Đường Minh Ngọc Ân STK : 070034649977 NH : Sacombank- PGD Rạch Sỏi	370778620	
2	Trương Ngọc Hà	Kế toán	Không xác định thời hạn	02/01/2009	5307006621	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Trương Ngọc Hà STK : 100008480588 NH : TMCP Quốc Dân - Kiên Giang	370950218	
3	Trần Mỹ Xuân	Kế toán	Không xác định thời hạn	02/01/2013	9109007171	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Trần Mỹ Xuân STK : 0005818022 NH : TMCP Quốc Dân - Kiên Giang	371042027	
4	Trần Mỹ Linh	Kế toán	Không xác định thời hạn	01/12/2019	0116394280	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Trần Mỹ Linh STK : 9882513 NH : Kiên Long - PGD Rạch Sỏi	371013283	
5	Nguyễn Hoàng Nghiệm	Tài xế	Không xác định thời hạn	01/07/2014	9112004015	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Nghiệm STK : 070038057918 NH : Sacombank- PGD Rạch Sỏi	371191640	
6	Huỳnh Ngọc Sang	Tài xế	Có thời hạn	01/12/2020	9124187380	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Ngọc Sang STK : 070125470813 NH : Sacombank- PGD Châu Thành	371621696	

7	Đặng Quốc Thiện		Không xác định thời hạn	01/08/2020	9114000268	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Đặng Quốc Thiện STK : 070125801021 NH : Sacombank- PGD Rạch Sỏi	371108866	
8	Nguyễn Ngọc Khải		Có thời hạn	02/05/2021	9122368344	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Khải STK : 070125461156 NH : Sacombank- PGD Châu Thành	371966579	
9	Võ Tấn Quân	Giao hàng	Có thời hạn	01/04/2021	9123375508	01/8/2021	01/08/2021-30/09/2021	3.710.000	Võ Tấn Quân STK : 75010000640908 NH : BIDV	371303277	
III	CÔNG TY TNHH MTV EFF DỊCH VỤ TƯ VẤN ANH NGŨ QUỐC TẾ							11.130.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							11.130.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Ngô Ngọc Mỹ	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/8/2020	DN4919123574934	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371776024	Nhận tiền mặt
2	Nguyễn Thanh Tâm	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/8/2020	DN4919122620648	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371859494	Nhận tiền mặt
3	Nguyễn Kim Ngân	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/9/2020	DN4919116013130	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371445411	Nhận tiền mặt
IV	CÔNG TY TNHH ĐT PT GD HẠNH PHƯỚC KIÊN GIANG							81.910.000			

4.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							77.910.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Lê Thị Bé Tiền	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/7/2020	DN491912406 4559	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371725373	Nhận tiền mặt
2	Đặng Ngọc My	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/9/2020	DN491911300 5415	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371568498	Nhận tiền mặt
3	Mai Thị Giang	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/10/2020	DN491911400 6445	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371160225	Nhận tiền mặt
4	Trần Kim Thùy	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/10/2020	DN491912173 3143	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371980023	Nhận tiền mặt
5	Trương Thị Diễm My	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/4/2021	DN491912338 1527	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371984038	Nhận tiền mặt



6	Nguyễn Thị Hiền	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	1/12/2020	DN491912178 2463	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371960740	Nhận tiền mặt
7	Võ Thị Phương Thảo	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	1/7/2020	DN491912377 1232	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370991041	Nhận tiền mặt
8	Huỳnh Thị Hiền	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	1/7/2020	DN491910800 1585	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371160187	Nhận tiền mặt
9	Trịnh Thị Thùy Trang	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/8/2020	DN491912174 3236	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371821586	Nhận tiền mặt
10	Lý Thị Đăng Khoa	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/10/2020	DN491912179 3057	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		372112134	Nhận tiền mặt
11	Vũ Thị Hoài Chân	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/9/2020	DN491911600 0162	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370628996	Nhận tiền mặt
12	Trần Kim Linh	Nhân viên	HĐ có thời hạn	1/8/2020	DN491912335 3580	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370530990	Nhận tiền mặt

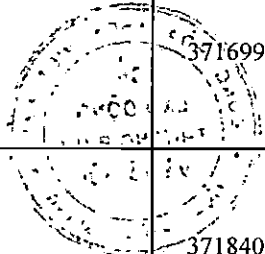
13	Trần Thanh Loan	Nhân viên nhà bếp	HĐ có thời hạn	1/1/2021	GD491912375 0190	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370804080	Nhận tiền mặt
14	Vũ Thị Loan	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/3/2021	DN491530100 2245	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370926904	Nhận tiền mặt
15	Nguyễn Thị Hạnh Thuyên	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/3/2021	DN491912173 6422	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370885190	Nhận tiền mặt
16	Dư Thị Loan	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/1/2021	DN491911101 0818	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		385452376	Nhận tiền mặt
17	Nguyễn Thanh Hương	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/6/2020	DN491910800 9576	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370939417	Nhận tiền mặt
18	Nguyễn Trường Giang	Tài xế	HĐ không thời hạn	1/3/2018	DN491911200 1413	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370939557	Nhận tiền mặt
19	Bùi Thị Mỹ Xuyên	Nhân viên nhà bếp	HĐ có thời hạn	1/9/2020	DN491912330 0649	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371411667	Nhận tiền mặt

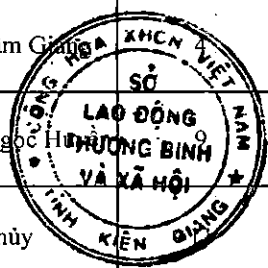
20	Trần Hữu		Nhân viên nhà	HD có thời hạn	1/10/2020	DN491911400 5335	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370428735	Nhận tiền mặt
21	Dương Thị Hồng		Nhân viên	HD không thời hạn	1/5/2014	DN491911300 5218	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		351059007	Nhận tiền mặt
4.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em								4.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 4.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú		
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
1	Đặng Ngọc My	2	Nguyễn Đặng Thiên Kim	24/12/2015	Nguyễn Phú Trương Anh Nhân	371626189	1.000.000		371568498	Nhận tiền mặt		
2	Mai Thị Giang	3	Đào Bình Minh	16/06/2016	Đào Tiến Bình	131472584	1.000.000		371160225	Nhận tiền mặt		
3	Võ Thị Phương Thảo	7	Lâm Ngọc Bảo Thy	31/08/2015	Lâm Quang Thủ	371013528	1.000.000		370991041	Nhận tiền mặt		
4	Lý Thị Đăng Khoa	10	Nguyễn Hoàng Ngọc Bích	07/12/2018	Nguyễn Minh Trí	371170395	1.000.000		372112134	Nhận tiền mặt		

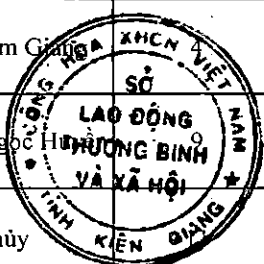
V	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐT PT GD HẠNH PHƯỚC KIÊN GIANG-TRƯỜNG MN HẠNH PHÚC							69.070.000			
5.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							63.070.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Dương Huỳnh Lam	Phó hiệu trưởng	HĐ có thời hạn	1/4/2021	DN491910800 1632	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371076414	Nhận tiền mặt
2	Nguyễn Thị Yến Hoa	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/4/2021	DN491911200 7712	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		372088627	Nhận tiền mặt
3	Võ Thị Thúy Duy	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/10/2020	DN491912331 1410	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371804042	Nhận tiền mặt
4	Trần Thị Cẩm Giang	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/12/2020	DN491912378 7404	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		352264591	Nhận tiền mặt
5	Nguyễn Kim Thùy	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/3/2021	DN491530700 3254	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370960028	Nhận tiền mặt



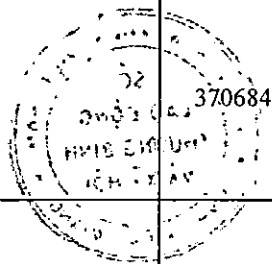
6	Thị Bé Bảy	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/10/2020	DN491911600 5009	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371347594	Nhận tiền mặt
7	Phan Thị Ngọc Lâm	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/3/2021	DN491912178 3076	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371676603	Nhận tiền mặt
8	Lê Tuyết Nhi	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	1/3/2021	DN491912163 4006	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371898989	Nhận tiền mặt
9	Danh Thị Ngọc Huyền	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/3/2021	DN491912233 7146	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371755197	Nhận tiền mặt
10	Lê Thái Hiền	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/12/2020	DN491912381 0560	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371704173	Nhận tiền mặt
11	Lại Ngọc Thủy	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	1/1/2021	DN491912373 9926	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370965319	Nhận tiền mặt
12	Đặng Ngọc Như	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/12/2020	DN491912289 8576	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371906428	Nhận tiền mặt

13	Nguyễn Thị Thúy Nhi	Giáo viên	HĐ có thời hạn	1/9/2020	DN491912285 2627	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371699456	Nhận tiền mặt
14	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/3/2021	DN491912409 7392	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371840544	Nhận tiền mặt
15	Lưu Bích Trâm	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/9/2020	DN491912270 6647	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371976560	Nhận tiền mặt
16	Nguyễn Kim Lê	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	1/4/2021	DN491530600 0423	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371403249	Nhận tiền mặt
17	Tạ Lâm Vân Anh	Nhân viên văn phòng	HĐ có thời hạn	1/4/2021	DN491912402 9322	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371677803	Nhận tiền mặt
5.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							6.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 5.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Nguyễn Thị Yến Hoa	2	Nguyễn Nguyên	09/05/2016	Nguyễn Chung Tính	371310350	1.000.000		372088627	Nhận tiền mặt	
2	Trần Thị Cẩm Giang	4	Ngô Trần Thiên Ân	11/06/2017	Ngô Tấn Đạt	371280649	1.000.000		352264591	Nhận tiền mặt	





3	Trần Thị Cẩm Giang		Ngô Trần Thiên An	23/09/2019	Ngô Tấn Đạt	371280649	1.000.000		352264591	Nhận tiền mặt	
4	Danh Thị Ngọc Hương		Nguyễn Ngọc Tường Vy	07/12/2018	Nguyễn Văn An	371607507	1.000.000		371755197	Nhận tiền mặt	
5	Lại Ngọc Thủy		Nguyễn Phương Gia Khánh	23/03/2020	Nguyễn Anh Phương	072073000685	1.000.000		370965319	Nhận tiền mặt	
6	Lại Ngọc Thủy	11	Nguyễn Phương Gia Thành	22/01/2018	Nguyễn Anh Phương	072073000685	1.000.000		370965319	Nhận tiền mặt	
VI	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐT PT GD HẠNH PHƯỚC KIÊN GIANG-TRƯỜNG MN ĐỨC TRÍ						44.520.000				
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương						44.520.000				
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Xuân Trang	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	7/2020	9121644097	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370630621	Nhận tiền mặt
2	Trần Thị Liễu	Bảo mẫu	HĐ có thời hạn	7/2020	9109006981	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370851387	Nhận tiền mặt
3	Huỳnh Thị Bé Chuẩn	Giáo viên	HĐ có thời hạn	01/2021	9122948246	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371937669	Nhận tiền mặt

4	Bùi Thị Mỹ Hạnh	Nhân viên	HĐ có thời hạn	3/2021	9123509993	01/6/2021	Từ ngày 01/06/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370684740	Nhận tiền mặt
5	Lương Kim Ngọc	Hiệu trưởng	HĐ không thời hạn	01/2007	9108001597	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370885903	Nhận tiền mặt
6	Trương Thanh Trúc	Phó hiệu trưởng	HĐ có thời hạn	4/2021	5306000381	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		370894048	Nhận tiền mặt
7	Danh Thị Thu Anh	Giáo viên	HĐ có thời hạn	3/2016	9116005195	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371713071	Nhận tiền mặt
8	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Giáo viên	HĐ có thời hạn	9/2013	9113005497	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371423466	Nhận tiền mặt
9	Nguyễn Thị Kim Phụng	Giáo viên	HĐ có thời hạn	11/2019	9122141453	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371946001	Nhận tiền mặt
10	Lý Thị Tuyết Nga	Giáo viên	HĐ có thời hạn	12/2020	9121990172	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371854382	Nhận tiền mặt



11	Triệu Đoàn Mỹ	Giáo viên	HĐ có thời hạn	11/2020	9121743656	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371584811	Nhận tiền mặt
12	Đỗ Thị Ngọc Trâm	Giáo viên	HĐ có thời hạn	03/2021	9123381517	01/7/2021	Từ ngày 01/07/2021 đến khi có công văn của Sở Giáo dục KG cho phép Trường học hoạt động lại	3.710.000		371838885	Nhận tiền mặt
VII	CÔNG TY TNHH D & HCA2							17.840.000			
7.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							14.840.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Hà Thị Thu Ngân	Kế toán	Không thời hạn	01/2/2018	9116005346	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Hà Thị Thu Ngân - 100002269338 - Viettinbank CN Kiên Giang	371348685	
2	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	Kế toán	Không thời hạn	01/2/2018	9123840149	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh - 0091000605097 - Vietcombank CN Kiên Giang	371548787	
3	Nguyễn Võ Thanh Trúc	Kế toán	Không thời hạn	1/4/2021	9116005347	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Võ Thanh Trúc - 0102424325 - Dongabank - CN Ninh Kiều Cần Thơ	371166837	
4	Lê Phương Thu Thảo	Kế toán	Không thời hạn	21/5/2019	9124132176	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Lê Phương Thu Thảo - 091000590390 - Vietcombank Kiên Giang	371421401	
7.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							3.000.000			

Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 7.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1											
1	Hà Thị Thu Ngân	1	Vương Mỹ Kim	15/4/2020	Vương Thanh phong	371228924	1.000.000	Hà Thị Thu Ngân - 100002269338 - Viettinbank CN Kiên Giang	371348685		
2	Nguyễn Võ Thanh Trúc	3	Ung Minh Triết	23/11/2018	Ung Minh Thiện	365824882	1.000.000	Nguyễn Võ Thanh Trúc - 0102424325 - Dongabank - CN Ninh Kiều Cần Thơ	371166837		
3	Lê Phương Thu Thảo	4	Phan Lê Minh Nghi	16/1/2020	Phan Đăng Khôi	312109911	1.000.000	Lê Phương Thu Thảo - 091000590390 - Vietcombank Kiên Giang	371421401		
VIII	CÔNG TY TNHH MTV XE MÁY THÀNH PHÁT							281.570.000			
8.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							248.570.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Thị Muỗi	NV tiếp nhận	Không Xác Định	01/10/2013	9113006895	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Thị Muỗi - 0110 499 302- ĐÔNG Á BANK	371328831	
2	Hồng Khôi	kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/02/2015	9109005409	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Hồng Khôi-0105 744 105- ĐÔNG Á BANK	370750807	
3	Tăng Tường Phát	Cửa hàng trưởng	Không Xác Định	01/07/2015	9115007130	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Tăng Tường Phát-0109 929 519- ĐÔNG Á BANK	370894255	
4	Phan Thanh Lâm	Kỹ thuật trưởng	Không Xác Định	01/02/2015	5307005541	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Phan Thanh Lâm-0104 - 368 052- ĐÔNG Á BANK	370894784	

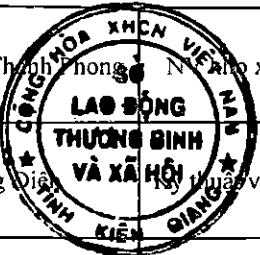
5	Nguyễn Hoàng Lăng	CSKH	Không Xác Định	01/02/2015	9115006774	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Lăng- 0106 180 501- ĐÔNG Á BANK	091087000730	
6	Nguyễn Trung Toàn	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/05/2017	9116017967	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Trung Toàn- 0106 238 008- ĐÔNG Á BANK	371039006	
7	Trần Thị Phương Trang	CSKH	Không Xác Định	01/11/2018	9122271082	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Thị Phương Trang- 0110 029 343- ĐÔNG Á BANK	371607734	
8	Nguyễn Hoàng Tuấn	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/06/2021	9114001095	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Tuấn- 0105 753 169 - ĐÔNG Á BANK	371348473	
9	Trần Phương Tùng	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/07/2015	9115007129	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Phương Tùng-0104 657 028-ĐÔNG Á BANK	371377223	
10	Đỗ Văn Tấn	Bán hàng	Không Xác Định	01/02/2015	9115006786	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Đỗ Văn Tấn-9944 343 943 -VIETCOMBANK	151018202	
11	Lâm Ngọc Toàn	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/02/2015	9114005180	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lâm Ngọc Toàn- 1022 713 176 - VIETCOMBANK	371313160	
12	Phạm Thị Thanh Thủy	Thư ký	Không Xác Định	01/02/2015	9115006782	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Thanh Thủy- 9948 476 848- VIETCOMBANK	371054297	
13	Phạm Thị Phương Thúy	Kế toán	Không Xác Định	01/02/2015	9115006781	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Phương Thúy- 0091 000 306 440- VIETCOMBANK	370919194	
14	Thang Vĩ Lợi	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/02/2015	9115006779	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Thang Vĩ Lợi- 0091 000 358 479 - VIETCOMBANK	370708938	
15	Tô Thanh Tinh	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	02/2015	9115006795	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Tô Thanh Tinh-9942 434 348 - VIETCOMBANK	371158901	
16	Bành Thanh Sơn	Nhân viên bán hàng	Không Xác Định	01/05/2017	9113005234	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Bành Thanh Sơn- 0091 000 479 065 - VIETCOMBANK	371967644	

17	Lê Thị Tuyết An	Kế toán	Không Xác Định	01/05/2016	9110000255	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lê Thị Tuyết An-0091 000 575 990 - VIETCOMBANK	371229667	
18	Trần Thị Mừng	Kế toán bán hàng	Không Xác Định	01/05/2017	9116017965	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Thị Mừng-0091 000 605 854 - VIETCOMBANK	371180664	
19	Trí Phúc Hòa	Nhân viên tiếp nhận	Không Xác Định	01/05/2017	9114011001	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trí Phúc Hòa- 0091 000 585 814 - VIETCOMBANK	371347080	
20	Hứa Thị Bích Tuyền	kế toán	Không Xác Định	01/09/2017	9123273794	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Hứa Thị Bích Tuyền- 0091 000 571 082 - VIETCOMBANK	370994195	
21	Bùi Văn Tuấn	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/01/2018	9113005367	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Tuấn-1022 446 326-VIETCOMBANK	371199502	
22	Trần Thị Kiều Hạnh	Kế toán phụ tùng	Không Xác Định	01/09/2018	9121944959	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Thị Kiều Hạnh- 1015 042 781- VIETCOMBANK	371523134	
23	Trần Văn Cường	NV bán hàng	Không Xác Định	01/11/2018	5307005548	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Văn Cường-0091 000 623 632 - VIETCOMBANK	370803996	
24	Ngô Thị Thu Thủy	CSKH	Không Xác Định	01/11/2018	9109001179	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Thu Thủy- 0091000623694- VIETCOMBANK	370926379	
25	Nguyễn Thanh Phương	NV bán hàng	Không Xác Định	01/07/2019	5307004186	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Phương- 0091 000 623 676 - VIETCOMBANK	370750915	
26	Dương Cẩm Tiên	kế toán	Không Xác Định	01/09/2017	9114007194	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Dương Cẩm Tiên-0091 000 643 289 - VIETCOMBANK	371303453	
27	Ngô Ngọc Hân	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/07/2020	9115012658	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Ngô Ngọc Hân-0091 000 560 278 - VIETCOMBANK	370948300	
28	Trương Kim Thắm	Tập vụ	Không Xác Định	01/07/2020	9122295126	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trương Kim Thắm- 0531 0025 04495- VIETCOMBANK	370978265	



29	Trần Việt Hùng	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/03/2020	7412185709	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Việt Hùng-0091 000 669 466 - VIETCOMBANK	351531506	
30	Ngô Tấn Chiến	Bán hàng	Không Xác Định	01/02/2015	9115006777	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Ngô Tấn Chiến-0700 8120 8581 - SACOMBANK	371039592	
31	Nguyễn Thị Thúy Hồng	Thủ quỹ	Không Xác Định	01/02/2015	9115006783	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thúy Hồng- 0700 3470 1839 - SACOMBANK	371170511	
32	Trần Minh Ngoan	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/02/2015	9115006773	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Minh Ngoan -0701 0595 6345 - SACOMBANK	370946732	
33	Võ Thị Hồng Nhung	Kế toán	Không Xác Định	01/05/2016	9116007008	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Võ Thị Hồng Nhung- 0700 7291 2339 - SACOMBANK	371423220	
34	Hà Thanh Đạo	Nhân viên kho xe	Không Xác Định	01/09/2016	9113005236	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Hà Thanh Đạo- 0701 1242 3077- SACOMBANK	370982924	
35	Huỳnh Minh Đức	Nhân viên bán hàng	Không Xác Định	01/09/2016	9114005047	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Huỳnh Minh Đức-0701 0100 3106- SACOMBANK	371840892	
36	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	Nhân viên kế toán	Không Xác Định	01/09/2016	9113005347	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên- 0701 1020 4858 - SACOMBANK	371249537	
37	Phùng Tấn Duy	NV bán phụ tùng	Không Xác Định	01/05/2017	9115006793	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Phùng Tấn Duy-0701 0116 5777- SACOMBANK	370885970	
38	Lâm Kim Hía	NV tiếp nhận	Không Xác Định	01/02/2015	9115006776	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lâm Kim Hía-0701 2313 1825 - SACOMBANK	371430787	
39	Võ Minh Chánh	NV phụ tùng	Không Xác Định	01/12/2019	9121807678	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Võ Minh Chánh-0701 2301 3954- SACOMBANK	371421658	
40	Thái Thị Mỹ Phương	kế toán	Không Xác Định	01/06/2021	9121802107	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Thái Thị Mỹ Phương- 0701 2118 7343 - SACOMBANK	371846659	

41	Ngô Thành Mến	NV đăng ký xe	Không Xác Định	01/05/2016	9116007009	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Ngô Thành Mến-7709- 205 068 287 - AGRIBANK	371205535	
42	Phan Thành Lợi	NV kho xe	Không Xác Định	01/01/2018	9121635512	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Phan Thành Lợi-7700- 205 129 334 - AGRIBANK	371166297	
43	Nguyễn Anh Thi	Cửa hàng phó	Không Xác Định	01/11/2018	9113005179	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Anh Thi- 7709 205 111 148 - AGRIBANK	370953101	
44	Trương Thị Mỹ Nhân	kế toán	Không Xác Định	01/03/2020	9123738522	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trương Thị Mỹ Nhân- 7700 205 191 633 - AGRIBANK	371233417	
45	Lê Thị Hoa	Kế toán phụ tùng	Không Xác Định	05/2017	4011025193	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lê Thị Hoa-7713 2051 24453 -AGRIBANK	186835809	
46	Đỗ Đăng Hưng	NV kho xe	Không Xác Định	01/05/2019	9109005302	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Đỗ Đăng Hưng-0000 0010 9462 -SEABANK	371013060	
47	Trần Quang Hoàng	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/02/2015	9115006790	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Quang Hoàng- 0000 0100 9382 - SEABANK	372004900	
48	Nguyễn Thanh Tuấn	NV kho xe	Không Xác Định	01/05/2019	9121824318	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tuấn- 0945 320 420 - MBBANK	371003041	
49	Huỳnh Văn Tý	NV bán hàng	Không Xác Định	01/07/2019	9109001177	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Tý- 00013 7503 6589 -MBBANK	371076993	
50	Lâm Văn Mãng	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/07/2019	9124147427	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lâm Văn Mãng-0971 995 744 -MBBANK	351955218	
51	Quách Hải Bằng	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/09/2019	9116005477	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Quách Hải Bằng- 0976 884 366 -MBBANK	370739216	
52	Lôi Chí Nhân	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/02/2015	9110003466	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lôi Chí Nhân-0917 922 166 -MBBANK	371197111	

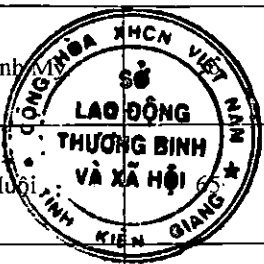


53	Nguyễn Thanh Phong - Nhân viên xe	Không Xác Định	01/09/2020	9121633241	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Phong-0942 565 155 - MBBANK	370912057	
54	Mai Hồng Diên - Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/07/2015	9115007128	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Mai Hồng Diên-0984 533 343 -MBBANK	370991927	
55	Nguyễn Thị Trí Trúc - Nhân viên phụ tùng	Không Xác Định	01/09/2020	4706051581	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Trí Trúc-1903 302 289 7019 - TECHCOMBANK	370771430	
56	Lê Thị Thanh My - kế toán	Không Xác Định	01/06/2021	9111010761	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thanh My-1903 483 271 0019 - TECHCOMBANK	371054353	
57	Quách Tuấn Thanh - Nhân viên phụ tùng	Không Xác Định	01/06/2021	9116013288	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Quách Tuấn Thanh-1903 7391 623 017 - TECHCOMBANK	371552319	
58	Đỗ Bình Giang - kế toán	Không Xác Định	01/11/2020	5402005997	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Đỗ Bình Giang-1040 0022 2222 -NCB BANK	370902526	
59	Nguyễn Duy Long - Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/03/2018	9121798455	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Duy Long-1000 0822 3399 -NCB BANK	370953849	
60	Nguyễn Thanh Duy - Kỹ thuật viên	Không Xác Định	05/2017	9116017964	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Duy-7501 0000 414 219 - BIDV BANK	371054377	
61	Trần Thị Kim Thoa - Nhân viên CR	Không Xác Định	01/11/2020	9121671262	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Thị Kim Thoa-0314 2269 601-TPBANK	371584624	
62	Đặng Ngọc Anh - Bán hàng	Không Xác Định	01/02/2015	9115006787	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Đặng Ngọc Anh -9933 8338 -ACB BANK	370987598	
63	Võ Minh Ngà - Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/09/2018	9122308340	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Võ Minh Ngà- 9791 367 -Á CHÂU BANK	371811430	
64	Nguyễn Văn Cản - Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/07/2020	9116005123	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Cản-1827 6403 -KIÊN LONG BANK	371075007	

65	Trần Thị Muội	Nhân viên tiếp nhận	Không Xác Định	01/09/2020	9114001092	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Trần Thị Muội-1028 6935 8251 - VIETINBANK	371539110	
66	Võ Việt Trinh	Nhân viên tiếp nhận	Không Xác Định	01/11/2020	9121716548	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Võ Việt Trinh-602012 7480 3000 001 - NAM Á BANK	371496331	
67	Lý Quốc Tuấn	Kỹ thuật viên	Không Xác Định	01/11/2018	5307005819	19/07/2021	19/7/2021 - 13/09/2021	3.710.000	Lý Quốc Tuấn-013 011 - 100 - VIBANK	371304650	
8.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							1.000.000			
Stt	Họ và tên		Thứ tự tại mục 8.1				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú	
1	Trần Thị Phương Trang		7				1.000.000	Trần Thị Phương Trang-0110 029 343- ĐÔNG Á BANK	371607734		
8.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							32.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 8.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Trần Thị Muối	1	Lê Anh Quốc	27/07/2018	Lê Anh Nhã	371120385	1.000.000	Trần Thị Muối - 0110 499 302- ĐÔNG Á BANK	371328831		
2	Nguyễn Hoàng Lăng	5	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	24/08/2015	Trương Thị Thủy	091186000994	1.000.000	Nguyễn Hoàng Lăng-0106 180 501- ĐÔNG Á BANK	371226211		
3	Tăng Tường Phát	3	Tăng Minh Vũ	09/06/2018	Mai Thị Kim Phượng	370958261	1.000.000	Tăng Tường Phát-0109 929 519- ĐÔNG Á BANK	370894255		

4	Trần Phương Tú		Trần Ngọc Phương Vy	22/12/2020	Thị Bé Liễu	371809694	1.000.000	Trần Phương Tùng-9704 0609 3687 8895 -ĐÔNG Á BANK	371377223	
5	Phạm Thị Thanh Thủy		Nguyễn Quốc Hùng	22/03/2016	Nguyễn Hồng Hải	371043488	1.000.000	Phạm Thị Thanh Thủy- 9948 476 848- VIETCOMBANK	371054297	
6	Phạm Thị Phương Thủy	13	Ngô Quốc Anh	24/06/2017	Ngô Thành Mến	371205535	1.000.000	Phạm Thị Phương Thủy- 0091 000 306 440- VIETCOMBANK	370919194	
7	Trần Thị Kiều Hạnh	22	Trần Ngọc An Nhiên	17/03/2017	Trần Văn Nhẹ	371382354	1.000.000	Trần Thị Kiều Hạnh- 1015 042 781- VIETCOMBANK	371523134	
8	Bùi Văn Tuấn	21	Bùi Minh Đăng	18/04/2018	Bùi Thùy Trang	371445512	1.000.000	Bùi Văn Tuấn-1022 446 326-VIETCOMBANK	371199502	
9	Nguyễn Thanh Phương	25	Nguyễn Tấn Phát	30/01/2019	Dương Thị Tú Uyên	370804055	1.000.000	Nguyễn Thanh Phương- 0091 000 623 676 - VIETCOMBANK	370750915	
10	Lâm Ngọc Toàn	11	Lâm Gia Phúc	11/05/2019	Trần Thị Theo Qui	371303208	1.000.000	Lâm Ngọc Toàn- 1022 713 176 - VIETCOMBANK	371313160	
11	Trương Kim Thắm	28	Trần Kim Tươi	30/03/2016	Trần Anh Thọ	370905414	1.000.000	Trương Kim Thắm- 0531 0025 04495- VIETCOMBANK	370978265	
12	Dương Cẩm Tiên	26	Phạm Gia Huy	18/09/2019	Phạm Thanh Hải	371357380	1.000.000	Dương Cẩm Tiên-0091 000 643 289 - VIETCOMBANK	371303453	
13	Ngô Tấn Chiến	30	Ngô Kim Ngọc	08/04/2020	Đỗ Thị Thiên Thanh	370958021	1.000.000	Ngô Tấn Chiến-0700 8120 8581 - SACOMBANK	371039592	
14	Nguyễn Thị Thúy Hồng	31	Nguyễn Duy Phúc	31/10/2016	Nguyễn Thanh Duy	371054377	1.000.000	Nguyễn Thị Thúy Hồng- 0700 3470 1839 - SACOMBANK	371170511	
15	Lâm Kim Hía	38	Lê Đăng Khoa	25/06/2017	Lê Hải Dương	371179580	1.000.000	Lâm Kim Hía-0701 2313 1825 - SACOMBANK	371430787	

16	Lâm Kim Hía	38	Lê Thúy Kiều	20/12/2018	Lê Hải Dương	371179580	1.000.000	Lâm Kim Hía-0701 2313 1825 SACOMBANK	
17	Lê Thị Hoa	45	Nguyễn Văn Phúc Nguyễn	06/11/2018	Nguyễn Văn Thành	186594907	1.000.000	Lê Thị Hoa-7713-2051 24453 -AGRIBANK	186835809
18	Lê Thị Hoa	45	Nguyễn Văn Nhật Tân	02/06/2016			1.000.000	Lê Thị Hoa-7713 2051 24453 -AGRIBANK	
19	Phan Thành Lợi	42	Phan Huỳnh Thiên Kim	02/10/2018	Huỳnh Tổ Quyền	365781375	1.000.000	Phan Thành Lợi-7700 205 129 334 - AGRIBANK	371166297
20	Trần Quang Hoàng	47	Trần Mẫn Nhi	02/01/2016	Võ Thị Mộng Tuyền	371246355	1.000.000	Trần Quang Hoàng- 0000 0100 9382 - SEABANK	372004900
21	Đỗ Đăng Hưng	46	Đỗ Ngọc Ngân	24/07/2020	Quách Kim Huyền	371229376	1.000.000	Đỗ Đăng Hưng-0000 0010 9462 -SEABANK	371013060
22	Mai Hồng Diên	54	Mai Nhật Hậu	03/10/2018	Trương Cẩm Tiên	371506454	1.000.000	Mai Hồng Diên-0984 533 343 -MBBANK	370991927
23	Lâm Văn Mãng	50	Lâm Văn Lượng	13/08/2017	Đào Thị Lệ Hoa	087191002796	1.000.000	Lâm Văn Mãng-0971 995 744 -MBBANK	351955218
24	Nguyễn Thanh Tuấn	48	Nguyễn Hà Nhã Phương	06/10/2015	Hà Thị Ngọc Huỳnh	371029466	1.000.000	Nguyễn Thanh Tuấn- 0945 320 420 - MBBANK	371003041
25	Quách Hải Bằng	51	Quách Thành Danh	22/12/2016	Lê Thị A	370931448	1.000.000	Quách Hải Bằng- 0976 884 366 -MBBANK	370739216
26	Quách Tuấn Thanh	57	Quách Ngọc Chiêu Anh	07/05/2017	Nguyễn Thị Tuyết Nghi	371639024	1.000.000	Quách Tuấn Thanh- 1903 7391 623 017 - TECHCOMBANK	371552319
27	Lê Thị Thanh My	56	Nguyễn Tịnh Yên	12/09/2015	Nguyễn Văn Thiện	371356397	1.000.000	Lê Thị Thanh My-1903 483 271 0019 - TECHCOMBANK	371054353



28	Lê Thị Thanh		Nguyễn Ngân Tâm	22/10/2016				1.000.000	Lê Thị Thanh My-1903 483 271 0019 - TECHCOMBANK		
29	Trần Thị Muội		Đặng Trần Anh Thư	02/01/2018	Đặng Văn Thật	371434038		1.000.000	Trần Thị Muội-1028 6935 8251 - VIETTINBANK	371539110	
30	Đặng Ngọc Anh	62	Đặng Tấn Phát	24/11/2017	Nguyễn Thị Thanh Kiều	371158948		1.000.000	Đặng Ngọc Anh -9933 8338 -ACB BANK	370987598	
31	Lý Quốc Tuấn	67	Lý Quốc Trường	18/05/2020	Nguyễn Thị Bích Thủy	370958690		1.000.000	Lý Quốc Tuấn-013 011 100 -VIBANK	371304650	
32	Nguyễn Duy Long	59	Nguyễn Duy Phúc	30/05/2019	Phạm Thị Nguyệt	370982767		1.000.000	Nguyễn Duy Long-1000 0822 3399 -NCB BANK	370953849	
IX	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH KIÊN GIANG							19.550.000			
9.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							18.550.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	VUU HỒNG LĨNH	P.HCKT	KXD	15/6/2005	5307001585	01/08/2021	1/8/2021 – 31/08/2021	3.710.000	VUU HỒNG LĨNH- 7700205072758 - Agribank CN Kiên Giang	371779298	
2	NGUYỄN MINH THƯ	P.HCKT	KXD	01/08/2015	9115002006	01/08/2021	1/8/2021 – 31/08/2021	3.710.000	NGUYỄN MINH THƯ- 7700205203320 - Agribank CN Kiên Giang	371334667	
3	HÔNG THÁI PHÊN	KS Hòn Trẹm	KXD	15/12/2007	9108007134	01/08/2021	1/8/2021 – 31/08/2021	3.710.000	HÔNG THÁI PHÊN- 7700205189530 - Agribank CN Kiên Giang	370900810	

4	LŨ KIM QUÝ	KS Hòn Trẹm	KXĐ	12/2004	5307001581	01/08/2021	1/8/2021 – 31/08/2021	3.710.000	LŨ KIM QUÝ- 7700205190516 - 371015877 Agribank CN		
5	LÂM THỊ NGUYỆT	KS Hòn Trẹm	KXĐ	05/03/2012	9112003424	01/08/2021	1/8/2021 – 31/08/2021	3.710.000	LÂM THỊ NGUYỆT- 7712205050882 - 370949254 Agribank CN		
9.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 9.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	HÔNG THÁI PHẾN	3	Chung Hồng Phước	13/6/2020	CHUNG THỊ HỒNG LOAN	371348584	1.000.000	HÔNG THÁI PHẾN- 7700205189530 - Agribank CN Kiên Giang	370900810		
X	CÔNG TY TNHH HOÀNG LONG TA							10.420.000			
10.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							7.420.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phòng Kế toán	Không thời hạn	01/2015	9115005091	01/8/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Bích - 0091000576341 - Ngân hàng Vietcombank	371566192	



2	Lâm Anh Thiên Lý		Không thời hạn	09/2018	9121797405	01/8/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Lâm Anh Thiên Lý - 0091000657911 - Ngân hàng Vietcombank	371445933	
10.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							3.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 10.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1	Nguyễn Hà Như Quỳnh	13/8/2016	Nguyễn Văn Nhất	371246869	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Bích - 0091000576341 - Ngân hàng Vietcombank	371566192		
2	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1	Nguyễn Hải Trọng Phúc	05/11/2020	Nguyễn Văn Nhất	371246869	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Bích - 0091000576341 - Ngân hàng Vietcombank	371566192		
3	Lâm Anh Thiên Lý	2	Nguyễn Chí Bảo	26/4/2021	Nguyễn Văn Chánh	371305098	1.000.000	Lâm Anh Thiên Lý - 0091000657911 - Ngân hàng Vietcombank	371445933		
XI	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SAGOTA KIÊN GIANG							65.360.000			
11.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							59.360.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú

1	Đặng Thị Kiều Diễm	Kế toán	Không xác định thời hạn	09/03/2019	9114005057	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Kiều Diễm 070030765522 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371389346	
2	Cao Thiện Tính	Thủ kho	Không xác định thời hạn	09/03/2019	5304002512	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Cao Thiện Tính 070109283639 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	370807734	
3	Mai Hữu Nghĩa	Tài xế	Không xác định thời hạn	10/01/2019	9122372340	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Mai Hữu Nghĩa 070109301262 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371463734	
4	Lê Trung Tấn	Nhân viên giao hàng	Không xác định thời hạn	05/01/2020	9122477740	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Trung Tấn 70109268117 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371530225	
5	Lê Trung Tới	Nhân viên giao hàng	Không xác định thời hạn	05/01/2020	9122528290	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Trung Tới 070109293758 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371537226	
6	Ngô Dương Khang	Nhân viên giao hàng	Không xác định thời hạn	05/01/2020	7412004406	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Ngô Dương Khang 070109285968 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371700296	
7	Nguyễn Văn Sang	Nhân viên giao hàng	Không xác định thời hạn	05/01/2020	9115005428	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Sang 070109283523 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371388818	
8	Đoàn Văn Dự	Tài xế	Không xác định thời hạn	05/01/2020	9121743596	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đoàn Văn Dự 070109284392 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371877634	
9	Dư Thành Hiếu	Tài xế	Không xác định thời hạn	05/01/2020	9122129037	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Dư Thành Hiếu 070091654359 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	370960378	



10	Trần Thị Khéo		Không xác định thời hạn	06/01/2020	7514025739	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Thị Khéo 106868141668 Ngân Hàng Vietinbank CN Kiên Giang	371622298	
11	Đoàn Hồng Ta		Không xác định thời hạn	08/01/2020	9122402924	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đoàn Hồng Ta 070082299880 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371265700	
12	Lê Văn Vui	Nhân viên giao hàng	Không xác định thời hạn	08/01/2020	9121786562	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Văn Vui 070109284627 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371775714	
13	Đặng Thúy Quyên	Nhân viên	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9123875826	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đặng Thúy Quyên 0091000654039 Ngân Hàng Vietcombank CN Kiên Giang	371946552	
14	Nguyễn Tổ Mai	Nhân viên	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9122847682	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Tổ Mai 070102790195 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371235541	
15	Trần Yến Phương	Kế toán	Không xác định thời hạn	03/01/2021	9216016479	08/01/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Yến Phương 070112742131 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371672236	
16	Đinh Thị Diễm My	Nhân viên	Không xác định thời hạn	05/01/2021	9122441792	01/08/2021	01/08/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Diễm My 0091000682663 Ngân Hàng Vietcombank CN Kiên Giang	371799587	
11.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							1.000.000			
Stt	Họ và tên	Thứ tự tại mục 11.1						Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú

1	Đặng Thị Kiều Diễm						1.000.000	Đặng Thị Kiều Diễm 070030765522 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371389346	
11.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						5.000.000			
			Thông tin về con và vợ hoặc chồng							
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 11.1	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đặng Thị Kiều Diễm	1	Từ Đặng Khánh Phong	20/01/2018	Từ Khánh Trung	371390941	1.000.000	Đặng Thị Kiều Diễm 070030765522 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371389346	
2	Trần Thị Khéo	10	Đặng Minh Hôn	30/12/2020	Đặng Hoàng Phúc	371468093	1.000.000	Trần Thị Khéo 106868141668 Ngân Hàng Vietinbank CN Kiên Giang	371622298	
3	Ngô Dương Khang	6	Ngô Văn Trang	25/03/2017	Trần Thị Mỹ Tuyền	371962866	1.000.000	Ngô Dương Khang 070109285968 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371700296	
4	Ngô Dương Khang	6	Ngô Đình Trọng	10/08/2020	Trần Thị Mỹ Tuyền	371962866	1.000.000	Ngô Dương Khang 070109285968 Ngân Hàng Sacombank CN Kiên Giang	371700296	
5	Đinh Thị Diễm My	16	Lưu Kim Anh	24/09/2018	Lưu Hiếu Nghĩa	371266008	1.000.000	Đinh Thị Diễm My 0091000682663 Ngân Hàng Vietcombank CN Kiên Giang	371799587	
XII	CÔNG TY TNHH AN PHƯỚC						71.070.000			

12.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							63.070.000			
Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Linh	Phó Giám đốc	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	0110103885	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Linh 1078.9806.0999 Vietinbank - CN Kiên Giang	182341352	
2	Nguyễn Thùy Dương	Kế toán trưởng	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9111000701	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thùy Dương 100005984399 NCB - CN Kiên Giang	371029244	
3	Lại Phi Long	Kế toán	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9111006480	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Lại Phi Long 7501.0000.222.917 BIDV - CN Kiên Giang	371236260	
4	Nguyễn Thị Tâm	Kế toán	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9112000421	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tâm 7501.0000.390.708 BIDV - CN Kiên Giang	371980696	
5	Lương Đình Thanh	Vật tư	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9109007110	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Lương Đình Thanh 7700.205.091.014 Agribank – CN Kiên Giang	172920486	
6	Nguyễn Tài Hà	Lái xe	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9708391724	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Tài Hà 7700.205.084.944 Agribank – CN Kiên Giang	038085004992	
7	Nguyễn Thanh Hải	Kỹ thuật	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9109007115	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Hải 0091.000.667.406 Vietcombank – CN Kiên Giang	370951485	
8	Huỳnh Chánh Thông	Lái xe	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	8723378054	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Huỳnh Chánh Thông 7501.0000.582.116 BIDV - CN Kiên Giang	341677496	

9	Lại Thị Liễu Thắm	Kế toán	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9122092482	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Lại Thị Liễu Thắm 7501.0000.350.711 BIDV - CN Kiên Giang	371156098	
10	Lê Văn Lâm	Thợ hàn	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9121674742	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Lê Văn Lâm 7501.0000.660.456 BIDV - CN Kiên Giang	370683509	
11	Võ Tuấn Vũ	Kỹ thuật	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9124068879	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Võ Tuấn Vũ 7501.0000.566.457 BIDV - CN Kiên Giang	371370643	
12	Lê Hoàng Phước	Lái xe	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9123423039	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Lê Hoàng Phước 000.503.411 VIB-CN Kiên Giang	370902314	
13	Nguyễn Bá Dương	Lái xe	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	4026179311	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Bá Dương 7501.0000.660.386 BIDV - CN Kiên Giang	186513345	
14	Nguyễn Duy Khương	Kế toán	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9114005905	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Nguyễn Duy Khương 0091.000.072.443 Vietcombank – CN Kiên Giang	370807914	
15	Đồng Mỹ Hạnh	Công nhân	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9123257609	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Đồng Mỹ Hạnh 7501.0000.660.447 BIDV - CN Kiên Giang	371952735	
16	Hồ Lâm Thảo	Công nhân	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	9123257606	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Hồ Lâm Thảo 7501.0000.660.465 BIDV - CN Kiên Giang	371952734	
17	Đỗ Thị Kim Thảo	Thủ kho	Xác định thời hạn 1 năm	01/01/2021	6823126699	19/7/2021	19/07/2021 đến 25/08/2021	3.710.000	Đỗ Thị Kim Thảo 0441.000.783.772 Vietcombank - CN HCM	342041835	
12.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							1.000.000			
Stt	Họ và tên	Thứ tự tại mục 12.1						Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú



1				9			1.000.000	Lại Thị Liễu Thắm 7501.0000.350.711 BIDV - CN Kiên Giang	371156098	
12.3	Danh sách người lao động tạm ngừng thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						7.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 12.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lại Phi Long	3	Lại Bảo Hân	05/04/2021	Nguyễn Thị Hồng Hương	371253953	1.000.000	Lại Phi Long 7501.0000.222.917 BIDV - CN Kiên Giang	371.236.260	
2	Nguyễn Thị Tâm	4	Nguyễn Tài Khang	16/4/2020	Nguyễn Tài Hà	038085004992	1.000.000	Nguyễn Thị Tâm 7501.0000.390.708 BIDV - CN Kiên Giang	371.980.696	
3	Võ Tuấn Vũ	11	Võ Mai Thy	10/09/2018	Phạm Thị Mai Thảo	363741240	1.000.000	Võ Tuấn Vũ 7501.0000.566.457 BIDV - CN Kiên Giang	371.370.643	
4	Nguyễn Bá Dương	13	Nguyễn Tường Vy	05/06/2020	Nguyễn Thị Thúy	370885632	1.000.000	Nguyễn Bá Dương 7501.0000.660.386 BIDV - CN Kiên Giang	186.513.345	
5	Nguyễn Duy Khương	14	Nguyễn Ngọc Gia Nhi	11/11/2016	Phạm Thị Bình	370965582	1.000.000	Nguyễn Duy Khương 0091.000.072.443 Vietcombank – CN	370.807.914	
6	Đỗ Thị Kim Thảo	17	Huỳnh Chánh Hào	23/5/2017	Huỳnh Chánh Thi	341470413	1.000.000	Đỗ Thị Kim Thảo 0441.000.783.772 Vietcombank - CN HCM	342.041.835	
7	Đỗ Thị Kim Thảo	17	Huỳnh Tú Anh	27/3/2021	Huỳnh Chánh Thi	341470413	1.000.000	Đỗ Thị Kim Thảo 0441.000.783.772 Vietcombank - CN HCM	342.041.835	
XIII	CÔNG TY TNHH VIỆT THANH						4.710.000			

13.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Út	Kế toán	Không thời hạn	10/2016	9116013264	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 19/10/2021	3.710.000	Trương Quốc Thanh - 0091000608295 - Ngân hàng Vietcombank CN Kiên Giang	371644368	
13.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 13.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng					
1	Nguyễn Thị Út	1	Trương Johnny Lực	18/7/2018	Trương Jason	HG046731	1.000.000	Trương Quốc Thanh - 0091000608295 - Ngân hàng Vietcombank CN Kiên Giang	371.644.368		
XIV	CÔNG TY TNHH MTV SƠN THANH TÂM							11.130.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							11.130.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trương Trọng Mãi	NV Kỹ thuật	Có thời hạn	8/2018	9122975358	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trương Trọng Mãi 11209907 - Ngân hàng ACB (Á Châu) Kiên Giang	371683364	
2	Phạm Minh Tâm	Tài xế	Có thời hạn	8/2018	9123990911	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Phạm Minh Tâm 11209897 - Ngân hàng ACB (Á Châu) Kiên Giang	370994450	

3	Trần Thành Công	Y thuật	Có thời hạn	7/2021	9121768938	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trần Thành Công 11189087 - Ngân hàng ACB (Á Châu) Kiên Giang	371399490	
XV	CÔNG TY TNHH MTV THANH KIM PHÚC							11.130.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							11.130.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Phương Thuận	Tài xế	Có thời hạn	11/2019	9121668798	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Phương Thuận 11489667 - Ngân hàng ACB (Á Châu) Kiên Giang	371445869	
2	Trần Bửu Châu	Kế toán	Có thời hạn	11/2019	9121650135	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trần Bửu Châu 11489687 - Ngân hàng ACB (Á Châu) Kiên Giang	371656911	
3	Đoàn Quốc Hận	NV kinh doanh	Có thời hạn	9/2020	7915066275	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Đoàn Quốc Hận 14957737 - Ngân hàng ACB (Á Châu) Kiên Giang	370803313	
XVI	CÔNG TY TNHH TMDV XÂY DỰNG BẢO CHÂU							18.550.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							18.550.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Bùi Châu Thanh Tín	Quản lý	Dài hạn	12/2019	5307002012	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Bùi Châu Thanh Tín- 070023520808 - Ngân hàng Sacombank Kiên Giang	371690881	

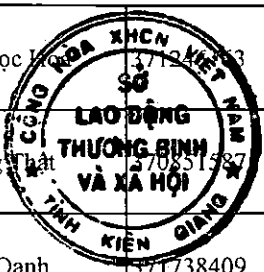
2	Lưu Minh Lâm	Tài xế	Dài hạn	12/2019	9111006327	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Lưu Minh Lâm - 9903365522 - Ngân hàng Vietcombank Kiên Giang	370739313	
3	Lưu Bảo Châu	Bán hàng	Dài hạn	12/2019	9111006326	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Lưu Bảo Châu - 632704060019778 - Ngân hàng VIB-Kiên Giang	370644820	
4	Lưu Văn Bảo	Tài xế	Dài hạn	12/2019	9111006329	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Lưu Văn Bảo - 9946141807 - Ngân hàng Vietcombank Kiên Giang	370510633	
5	Ngô Thanh Tùng	Tài xế	Dài hạn	12/2019	9111011015	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Ngô Thanh Tùng - 99477734949 - Ngân hàng Vietcombank Kiên Giang	250518733	
XVII	CÔNG TY TNHH HOA MỸ							19.550.000			
17.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							18.550.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Thị Bình	Phó giám đốc	24 tháng	04/01/2021	9121637536	19/7/2021	19/07/2021 đến 01/10/2021	3.710.000	Trần Thị Bình - 0091000313123 - Vietcombank CNKG	371013700	
2	Trần Phạm Tín	Nhân viên	12 tháng	04/01/2021	9122568880	19/7/2021	19/07/2021 đến 01/10/2021	3.710.000	Trần Phạm Tín - 070092845808 - Sacombank CNKG	370932069	
3	Huỳnh Minh Tuyên	Kỹ thuật	12 tháng	04/01/2021	9123991128	19/7/2021	19/07/2021 đến 01/10/2021	3.710.000	Huỳnh Minh Tuyên - 0091000370769 - Vietcombank CNKG	341347532	
4	Nguyễn Trung Kiên	Kỹ thuật	12 tháng	04/01/2021	9123848898	19/7/2021	19/07/2021 đến 01/10/2021	3.710.000	Nguyễn Trung Kiên - 75010000574858 - BIDV CNKG	371377629	
5	Quách Minh Đạt	Nhân viên	12 tháng	07/01/2021	9124044649	19/7/2021	19/07/2021 đến 01/10/2021	3.710.000	Quách Minh Đạt - 070125798878 - Sacombank CNKG	371168700	

17.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							1.000.000			
Stt			Thứ tự tại mục 17.1					Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	Trần Thị Bình		1					1.000.000	Trần Thị Bình - 0091000313123 - Vietcombank CNKG	371013700	
XVIII CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TRƯỜNG PHÁT - TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG ĐỎ								64.360.000			
18.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							59.360.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Điêu Cẩm Tú	Kế toán	03 năm	09/01/2019	9109001194	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Điêu Cẩm Tú 10000 3492798 NH NCB Kiên Giang	371168205	
2	Phạm Thị Thủy Quỳnh	Giáo viên	03 năm	08/01/2020	9115001716	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Thủy Quỳnh 100003538316 NH NCB Kiên Giang	371076372	
3	Đoàn Cẩm Lan	Giáo viên	03 năm	01/01/2017	9122307529	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Đoàn Cẩm Lan 100003492197 NH NCB Kiên Giang	371390306	
4	Nguyễn Thị Thu Hương	Giáo viên	02 năm	12/01/2020	9122347359	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Hương 10000 3487207 NH NCB Kiên Giang	371754694	
5	Huỳnh Thị Tám	Giáo viên	02 năm	10/01/2019	9124025162	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Tám 100003538359 NH NCB Kiên Giang	371192856	
6	Lê Thị Thùy Trang	Giáo viên	03 năm	06/01/2018	9122916946	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thùy Trang 100003492267 NH NCB Kiên Giang	371612908	
7	Nguyễn Thị Cẩm Tuyền	Giáo viên	02 năm	07/01/2019	9123528588	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Cẩm Tuyền 10000 3492251	371671655	

									NH NCB Kiên Giang		
8	Nguyễn Bích Diễm	Giáo viên	03 năm	12/01/2020	9124083733	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Bích Diễm 10000 3492227 NH NCB Kiên Giang	371144654	
9	Bùi Thị Tuyết Sương	Giáo viên	03 năm	11/01/2018	9123381638	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Tuyết Sương 10000 3641672 NH NCB Kiên Giang	371898509	
10	Nguyễn Thị Ngọc Chúc	Giáo viên	03 năm	09/01/2019	9113011267	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Chúc 100004633778 NH NCB Kiên Giang	371873181	
11	Huỳnh Ngọc Cẩm	Cấp dưỡng	02 năm	09/01/2019	9121723023	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Ngọc Cẩm 100003487328 NH NCB Kiên Giang	370919694	
12	Nguyễn Phương Thi	Kế toán	03 năm	09/01/2019	9123714149	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Phương Thi 10000 3487339 NH NCB Kiên Giang	371735247	
13	Hoàng Thị Thanh Tuyền	Giáo viên	03 năm	10/01/2019	9123399450	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Hoàng Thị Thanh Tuyền 10000 3487247 NH NCB Kiên Giang	371680955	
14	Nguyễn Thị Hồng Ánh	Giáo viên	02 năm	12/01/2019	9121788260	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng Ánh 100003492146 NH NCB Kiên Giang	371912550	
15	Trần Tổ Nga	Giáo viên	03 năm	11/01/2020	5306000397	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Trần Tổ Nga 10000 3492178, NH NCB Kiên Giang	370910091	
16	Trần Thị Ngọc Hà	Giáo viên	03 năm	03/01/2019	9122594962	01/06/2021	01/06/2021 - 30/09/2021	3.710.000	Trần Thị Ngọc Hà 100003492405, NH NCB Kiên Giang	371277630	
18.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai							2.000.000			
Stt	Họ và tên	Thứ tự tại mục 18.1						Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	Trần Tổ Nga	15						1.000.000	Trần Tổ Nga 100003492178, 10000 3492178 NH NCB Kiên Giang	370910091	
2	Nguyễn Thị Thu Hương	4						1.000.000	Nguyễn Thị Thu Hương, 10000 3487207	371754694	

								NH NCB Kiên Giang		
18.3	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						3.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại Mục IX tại Danh sách kèm theo Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Ngọc Chúc	10	Trần Nguyễn Phương Anh	14/4/2016	Trần Thanh Tâm	371266830	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Chúc 100004633778, NH NCB Kiên Giang	371373181	
2	Hoàng Thị Thanh Tuyền	13	Nguyễn Hoàng Thiên An	01/12/2020	Nguyễn Lê Anh Đức		1.000.000	Hoàng Thị Thanh Tuyền 100003487247, NH NCB Kiên Giang	371680955	
3	Lê Thị Thùy Trang	6	Lê Duy Phúc	30/12/2018	Lê Dương Phôi	371644529	1.000.000	Lê Thị Thùy Trang 100003492267 NH NCB Kiên Giang	371612908	
XIX	CÔNG TY TNHH ĐẶNG QUANG PHƯƠNG (BỔ SUNG CON CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG)						2.000.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em						2.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại Mục IX tại Danh sách kèm theo Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Bùi Văn Kỳ	3	Bùi Hân Khánh	18/01/2016	Nguyễn Thị Thiên Thanh	371328787	1.000.000	Nhận tiền mặt		Bổ sung con của người lao động

2	Bùi văn Kỳ	3	Bùi Tuấn Đạt	23/08/2017	Nguyễn Thị Thiên Thanh	371328787	1.000.000	Nhận tiền mặt		Bổ sung con của người lao động	
XX	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHÚ GIA HƯNG (BỔ SUNG NGƯỜI LAO ĐỘNG)							3.710.000			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Âu Vương Phát	Trung tâm Điều hành Taxi	KTH	03/09/2020	9121694357	19/07/2021	19/07/2021 - 6/10/2021	3.710.000	Âu Vương Phát, 0701108200001 Sacombank CNKG	370991855	Bổ sung người lao động
XXI	DANH SÁCH HỘ KINH DOANH							108.000.000			
Stt	Họ và tên người đại diện hộ kinh doanh	Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi ở hiện tại	Tên hộ kinh doanh	Địa điểm kinh doanh	Mã số thuế hoặc mã số kinh doanh	Thời gian tạm ngừng kinh doanh từ ngày/tháng/ năm đến ngày tháng năm	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Hình thức thanh toán (trực tiếp)	Ghi chú	
21.1	Phường Vĩnh Lạc							81.000.000			
1	Trần Thị Bích Trâm.	352348422	Lô C11-47+48 đường 3/2	Trần Thị Bích Trâm	Lô C11-47+48 đường 3/2	8475835911	19/7-13/9/2021	3.000.000	X	Ăn uống	
2	Nguyễn Thị Như Ý	371370954	Lô F4-02 Mai Văn Trương	HKD Hải Minh	Lô F4-02 Mai Văn Trương	8337701261	19/7-13/9/2021	3.000.000	X	lắp đặt thiết bị	
3	Trần Quốc Ân	370500430	Lô C3-39 Dã Tuông	Việt Tân	Lô C3-39 Dã Tuông	1701665886	19/7-30/8/2021	3.000.000	X	Mua bán quần áo	
4	Lê Ngọc Hân	371518408	341 đường Châu Văn Liêm	Lê Ngọc Hân	341 đường. Châu Văn Liêm	1700614173	01/7-30/8/2021	3.000.000	X	Nhà nghỉ	



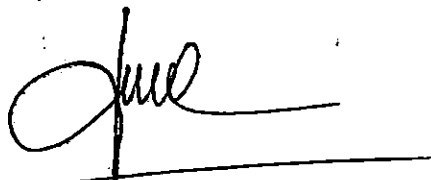
5	Võ Thị Ngọc Hân	37121387	334 B Lạc Hồng	Bún Cá Lạc Hồng	334 B Lạc Hồng	1701992509	19/7-13/9/2021	3.000.000	X	ăn uống
6	Lâm Trọng Thật	370851387	402 Nguyễn Trung Trực	Lâm Trọng Thật	402 Nguyễn Trung Trực	1700566156	19/7-12/9/2021	3.000.000	X	Mua bán quần áo
7	Phạm Thị Oanh	3711738409	353 Lâm Quang Ky	Phạm Thị Oanh	353 Lâm Quang Ky	8283939032	01/7-30/9/2021	3.000.000	X	Nhà nghỉ
8	Trần Bích Hạnh	370851607	Lô 5,6,7 Lạc Hồng	Trần Bích Hạnh	Lô 5,6,7 Lạc Hồng	1700812915	19/7-09/9/2021	3.000.000	X	quán cà phê
9	Nguyễn Thị Liễu	370813392	Lô 8 Trung Tâm VH	Nguyễn Thị Liễu	Lô 8 Trung Tâm VH	1701950555	19/7-09/9/2021	3.000.000	X	Bán cà phê
10	Trần Lê Khải	371421041	Lô E 16-33 đường 3/2	Út Cưng	Lô E 16-33 đường 3/2	1702045405	13/5-16/9/2021	3.000.000	X	khu vui chơi TE
11	Lê Hồng Thắm	371286128	Lô F2-15 Châu Văn Liêm	Lê Hồng Thắm	Lô F2-15 Châu Văn Liêm	1701976338	19/7-20/8/2021	3.000.000	X	Văn phòng phẩm
12	Trần Văn Tấn	371920644	Lô E 12-13 Trần Huy Liệu	Trần Văn Tấn	Lô E 12-13 Trần Huy Liệu	2200455914	19/7-30/9/2021	3.000.000	X	Nhà nghỉ
13	Nguyễn Thị Mỹ Nhiên	372121687	57 Lạc Hồng	Quán 68	57 Lạc Hồng	1700483058	23/6-15/9/2021	3.000.000	X	ăn uống
14	Lâm Liễu My	370991798	15 Lạc Hồng	Lâm Liễu My	15 Lạc Hồng	1701602244	15/7-31/8/2021	3.000.000	X	Xăm thẩm mỹ
15	Phạm Thị Mai	371933760	158 Trần Huy Liệu	Phạm Thị Mai	158 Trần Huy Liệu	1702033512	01/7-30/8/2021	3.000.000	X	Nhà nghỉ
16	Trần Bình Trọng	370990719	297 Nguyễn Trung Trực	TVT	297 Nguyễn Trung Trực	8334341204	17/7-10/9/2021	3.000.000	X	Bán quần áo
17	Lê Văn Đông	371527501	452 B Lâm Quang Ky	Đông Hòa AuTo	452 B Lâm Quang Ky	1701039430	01/7-09/9/2021	3.000.000	X	sửa chữa ô tô
18	Huỳnh Thị Hồng Nhung	25013843	91-92-93 Văn Cao	Huỳnh Thị Hồng Nhung	91-92-93 Văn Cao	1701882898	19/7-07/9/2021	3.000.000	X	Nhà nghỉ 36

19	Mã Tòng Sơn	370353831	404 Nguyễn Trung Trực	Mã Tòng Sơn	404 Nguyễn Trung Trực	1700939485	19/7-17/9/2021	3.000.000	X	ăn uống
20	Lưu Mỹ Đen	370979546	709E Ngô Quyền	Lưu Mỹ Đen	709E Ngô Quyền	8040820282	19/7-16/9/2021	3.000.000	X	sửa chữa điện tử
21	Bùi Thanh Cẩm	371158777	60 Đồng Đa	Cửa hàng máy tính Thanh Cẩm	60 Đồng Đa	1701688837	19/7-26/9/2021	3.000.000	X	bán thiết bị máy tính
22	Trần Thanh Nghĩa	371348972	F8-54-55-56 đường 3/2	Trần Thanh Nghĩa	F8-54-55-56 đường 3/2	1702179127	19/7-15/9/2021	3.000.000	X	Trang trí nội thất
23	Vương Hoàng Thanh	370798435	881 Lâm Quang Ky	Vương Hoàng Thanh	881 Lâm Quang Ky	1701990759	19/7-18/9/2021	3.000.000	X	câu cá giải trí
24	Nguyễn Huy Hoàng	371229583	210 Phạm Hùng	HT Shop	210 Phạm Hùng	8330345712	19/7-17/9/2021	3.000.000	X	Bán quần áo
25	Nguyễn Thị Hằng	371576411	450 Lâm Quang Ky	Nguyễn Thị Hằng	450 Lâm Quang Ky	1702187199	17/6-17/9/2021	3.000.000	X	Bán chậu gốm
26	Trần Thị Thanh Thúy	370975755	8/40 Bà Triệu	Trần Thị Thanh Thúy	8/40 Bà Triệu	1702055957	19/7-17/9/2021	3.000.000	X	Bán sim card
27	Nguyễn Văn Hải	371532554	350/14 Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Văn Hải	350/14 Nguyễn Trung Trực	1700357007	19/7-17/9/2021	3.000.000	X	Photocopy
21.2	Phường Vĩnh Hiệp							27.000.000		
1	Thái Lâm Hà	370791620	13/69 khu phố Dãy Ốc	Hộ kinh doanh Cơ sở Bé Ba	13/69 khu phố Dãy Ốc - phường Vĩnh Hiệp	313726583	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Sửa chữa máy
2	Lê Thị Trinh	370803101	44 Sự Thiện Ân - khu phố Thông Chữ	Lê Thị Trinh	44 Sự Thiện Ân - khu phố Thông Chữ - phường Vĩnh Hiệp	8276243685	Từ ngày 14/07/2021 đến nay	3.000.000	X	Mua bán cà phê, nước giải khát
3	Trần Thị Kinh	370024614	Số 14 đường Hồ Thị Nghiêm - khu phố Phi Kinh	Sơ sở sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ	Số 419C khu phố Phi Kinh	8036519040	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Sản xuất và mua bán hàng thủ công, mỹ nghệ

4	Trần Nguyên Hoàng Yến	371029445	719 Nguyễn Thị Định - khu phố Phi Kính	Hoàng Yến	Số 2/19A khu phố Phi Kính	1702084330	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Vận tải hành khách
5	Lý Khải An	370934867	Số 01 đường Cao Văn Lầu - khu phố Vĩnh Viễn	Lý Khải An	Số 01 đường Cao Văn Lầu - khu phố Vĩnh Viễn	1701062285	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Vật liệu xây dựng
6	Trần Thanh Phong	370611449	Số 837 đường Nguyễn Thị Định - khu phố Vĩnh Viễn	Trần Thanh Phong	Số 837 đường Nguyễn Thị Định - khu phố Vĩnh Viễn	1702021041	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Gia công nữ trang
7	Lâm Chí Đồng	370811290	157/5P Nguyễn Trung Trực - phường Vĩnh Bảo	Lâm Chí Đồng	Tổ 14 khu phố Vĩnh Viễn	8265657123	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Bán máy nổ đã qua sử dụng
8	Nguyễn Thị Hiếu	370132860	Số 59 đường Lê Văn Tuấn - khu phố Vĩnh Viễn	Nguyễn Thị Hiếu	Số 26C khu phố Vĩnh Viễn	1700002029	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Sửa chữa tàu, ghe
9	Nguyễn Minh Nhật	371776616	Tổ 13 khu phố Vĩnh Viễn	Nguyễn Minh Nhật	Số 05 Cao Văn Lầu - khu phố Vĩnh Viễn	1701392572	Từ ngày 19/7/2021 đến nay	3.000.000	X	Sửa chữa tàu, ghe
320	Tổng cộng (I đến XXI):							963.810.000		

Tổng cộng: Số trường hợp được hỗ trợ: 320; Số tiền hỗ trợ: 963.810.000 đồng; Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi ba triệu tám trăm mười nghìn đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU



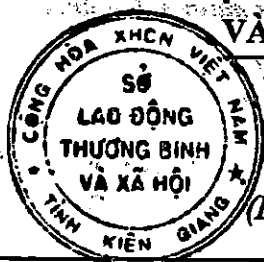
Phạm Văn Tùng

Kiên Giang, ngày 9 tháng 10 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI.
GIÁM ĐỐC



Dặng Hồng Sơn

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 09

Danh sách đề nghị không hỗ trợ trên địa bàn thành phố Rạch Giá
(Kèm theo Tờ trình số 272/TTr-LĐTBXH ngày 29/10/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

CÔNG TY TNHH SA KÊ KIÊN GIANG								18.550.000		
Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương không hỗ trợ								18.550.000		
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền đề nghị không hỗ trợ	Số CMT/ Thẻ CCCD	Lý do không hỗ trợ
1	Trần Sông Kiên	Quản lý	KXD	01/09/2019	0918361418	01/07/2021	01/07/2021-30/09/2021	3.710.000	091084001927	Sai số sổ bảo hiểm
2	Nguyễn Thị Thanh Yên	Bếp trưởng	KXD	01/09/2019	0919915445	01/07/2021	01/07/2021-30/09/2021	3.710.000	370437019	Sai số sổ bảo hiểm
3	Nguyễn Thị Thanh Phương	Pha chế	KXD	01/09/2019	0947555836	01/07/2021	01/07/2021-30/09/2021	3.710.000	371900071	Sai số sổ bảo hiểm
4	Bạch Thị Cẩm Hồng	Phó Giám đốc	KXD	01/09/2019	0916762583	01/07/2021	01/07/2021-30/09/2021	3.710.000	370982151	Sai số sổ bảo hiểm
5	Lâm Quốc Thông	Quản lý	KXD	01/09/2019	0932873578	01/07/2021	01/07/2021-30/09/2021	3.710.000	371003848	Sai số sổ bảo hiểm

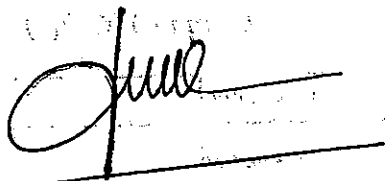
Tổng cộng:

18.550.000

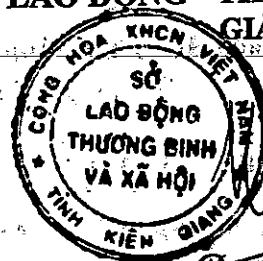
Tổng cộng: Số trường hợp được không hỗ trợ: 05; Số tiền không hỗ trợ: 18.550.000 đồng; Bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng.

Kiên Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2021
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Văn Tùng



GIÁM ĐỐC


Đặng Hồng Sơn